

QUYỀN TRANH TỤNG CỦA ĐƯƠNG SỰ TRONG GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ XÉT XỬ - THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

LEGAL RIGHTS OF PARTICIPANTS IN THE PRINCIPLE PREPARATION STAGE - LEGAL STATUS AND RECOMMENDATIONS

Đinh Thị Hằng*
Nguyễn Ngọc Tuấn†

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 03/06/2022

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 02/12/2022

Ngày bài báo được duyệt đăng: 28/12/2022

Tóm tắt: Hiện nay, tăng cường quyền tranh tụng của các bên trong các phiên tòa là tư tưởng quan trọng của chiến lược cải cách tư pháp do Bộ Chính trị Trung ương ban hành. Tư tưởng này đã được thể chế hóa thành nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” tại khoản 5 Điều 103 Hiến pháp năm 2013. Trong bài viết này tác giả sẽ đề cập cụ thể đến quyền tranh tụng của đương sự trong trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Bên cạnh các quy định pháp luật, bài viết phân tích nhiều yếu tố khách quan lẫn chủ quan nhằm đảm bảo quyền tranh tụng của đương sự trong tố tụng dân sự ở Việt Nam.

Từ khóa: quyền tranh tụng, tố tụng dân sự, đương sự.

Abstract: At present, strengthening the litigants' right to litigate in the trial is an important idea of the judicial reform strategy promulgated by the Politburo. This idea has been institutionalized into the principle of “confident litigation is guaranteed” in Clause 5, Article 103 of the 2013 Constitution. In this article, the author will specifically refer to the litigants' right to litigate in court during trial preparation. In addition to the legal provisions, the article analyzes many objective and subjective factors to ensure the litigants' right to litigate in civil proceedings in Vietnam.

Keywords: right to litigate, civil proceedings, litigants

I. Đặt vấn đề:

Trong xã hội ngày nay khi quyền con người ngày càng được quan tâm, nhiều tổ chức bảo vệ nhân quyền ra đời, pháp luật các quốc gia trên thế giới

cũng thay đổi theo hướng ngày càng hướng tới mục tiêu bảo vệ quyền con người. Quyền con người không chỉ bao gồm quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc... mà còn bao gồm

* Khoa Đào tạo Cơ bản, Trường Đại học Mở Hà Nội

† Sinh viên Khoa Luật, Trường Đại học Mở Hà Nội

cả quyền tự bảo vệ mình. Để thực hiện quyền tự bảo vệ, người dân có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, bảo vệ lợi ích của mình, đồng thời thực hiện quyền tham gia, quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Hiện nay, việc xây dựng, thực hiện và hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự để bảo vệ quyền tố tụng của các bên đang thu hút sự quan tâm của nhiều luật gia và những người hoạt động pháp luật.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm quyền tranh tụng

Thuật ngữ tranh tụng lần đầu tiên được đề cập tới trong văn kiện của Đảng, cụ thể là “*Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2001 của Bộ Chính trị. Tiếp đó, tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005*”, Bộ Chính trị một lần nữa khẳng định một trong nhiệm vụ phải thực hiện cho đến năm 2020 là nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử. Thực hiện chủ trương đó, Hiến pháp 2013 khi được ban hành đã ghi nhận “*nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo*”[‡] làm nền tảng xây dựng và tổ chức xây dựng ngành Tòa án.

Trong tranh chấp dân sự luôn luôn có bên tranh chấp là nguyên đơn và bên bị tranh chấp là bị đơn. Ngoài hai chủ thể này còn có chủ thể khác cũng có quyền, nghĩa vụ đó là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Theo đó Quyền là “*khả năng*

của chủ thể xử sự theo cách thức nhất định được pháp luật cho phép”[§]. Như vậy, có thể hiểu quyền tố tụng dân sự của các bên là khả năng, hành vi của các bên thực hiện trước tòa án nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình do pháp luật quy định. Tố tụng dân sự là quá trình tòa án tìm ra sự thật khách quan của vụ án dựa trên các tài liệu, chứng cứ, chứng cứ do các bên cung cấp nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên được bảo vệ. của các bên liên quan. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, các bên lợi dụng quyền đặt câu hỏi trước tòa án, khởi kiện, tự quyết định, thu thập, cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Có thể thấy, quyền để các đương sự tham gia làm rõ vụ án được gọi là quyền tranh tụng. “*Quyền tranh tụng là khả năng các đương sự tham gia vào tranh tụng tại tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.*”

2.2. Đặc điểm của quyền tranh tụng

Quyền tranh tụng là một quyền tố tụng của đương sự do đó có những đặc điểm của quyền tố tụng dân sự bao gồm:

Thứ nhất, quyền này được quy định trong pháp luật tố tụng dân sự và được áp dụng trong quá trình tố tụng. Tranh tụng là quá trình tố tụng nhằm chứng minh, làm sáng rõ nội dung vụ án. Quyền khởi kiện của đương sự chỉ được thực hiện khi pháp luật quy định đương sự có quyền khởi

[‡] Khoản 5 điều 103 Hiến pháp 2013

[§] Trường đại học Luật Hà Nội, 2011, “*Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật*”, NXB. Công an nhân dân, tr 454

kiện¹. Các quyền của đương sự được quy định trong thủ tục tố tụng nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự khi tham gia phiên tòa trong quá trình tố tụng nên các quyền này chỉ được áp dụng trong thủ tục tố tụng mà không được áp dụng trong các thủ tục khác.

Thứ hai, đối với mỗi chủ thể là các đương sự khác nhau thì quy định về quyền tranh tụng là khác nhau. Mỗi đương sự có vị trí khác nhau trong vụ án thì sẽ có các quyền, nghĩa vụ tương ứng với vị trí, vai trò của họ. Sự khác nhau của họ được căn cứ vào chính sự liên quan đến vụ án và xuất phát từ việc họ chủ động trong việc đưa ra yêu cầu của mình.

Thứ ba, Nội dung bao gồm các quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, bị đơn và các bên có lợi ích liên quan thể hiện ở các biện pháp pháp lý mà đương sự thực hiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và các phán quyết của tòa án. Pháp luật quy định các bên trong vụ án dân sự gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có các quyền và nghĩa vụ cụ thể để bảo vệ quyền tố tụng của mình.

Thứ tư, việc thực hiện quyền tranh tụng của đương sự phụ thuộc vào đương sự và chịu sự chi phối của Tòa án. Quyền của đương sự được pháp luật quy định cụ thể, rõ ràng, quyền của đương sự được thực hiện đến đâu trong quá trình tranh tụng hay việc đương sự thực hiện quyền tranh tụng của mình thế nào hoàn toàn do đương sự quyết định. Bên cạnh đó việc thực hiện quyền của các đương sự chịu sự chi phối của Tòa án giải quyết vụ án.

III. Phương pháp nghiên cứu

Để có thể nghiên cứu một cách khoa học về vấn đề thực trạng, kiến nghị hoàn thiện về quyền tranh tụng của đương sự trong Tố tụng dân sự thực hiện bài viết này, các tác giả đã sử dụng những phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

3.1. Phương pháp phân tích

- Phân tích nguồn tài liệu là các tạp chí, báo cáo khoa học, công trình nghiên cứu khoa học... có nghiên cứu về quyền tranh tụng của đương sự. Thông qua các nguồn tài liệu đó mà nhóm tác giả đã thu thập được những thông tin khoa học liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

- Phân tích tác giả: Các tác giả trong hay ngoài ngành, tác giả có tham gia tranh tụng hay chưa từng tham gia tranh tụng... đều được nhóm tác giả tham khảo quan điểm khoa học cũng như kết quả nghiên cứu của họ. Mỗi góc nhìn riêng của từng tác giả về vấn đề nghiên cứu đã giúp nhóm tác giả có thể tiếp cận vấn đề nghiên cứu theo nhiều phương diện, từ đó có cái nhìn tổng thể về quyền tranh tụng của đương sự.

- Phân tích nội dung: Phương pháp phân tích theo cấu trúc logic của nội dung vấn đề nghiên cứu giúp nhóm tác giả định hướng được các nội dung cơ bản, các vấn đề cần đề cập về đối tượng nghiên cứu là đương sự trong việc thực hiện quyền tranh tụng.

3.2. Phương pháp tiếp thu, kế thừa

Trong suốt quá trình nghiên cứu, nhóm tác giả bài viết này đã dựa trên cơ sở các tài liệu chứa đựng thông tin khoa

¹ Phạm Hải Bình, 2020, “Quyền tranh tụng của đương sự trong tố tụng dân sự Việt Nam”, luận văn thạc sĩ Luật học, Trường đại học Luật Hà Nội

học, các quan điểm khoa học của các nhà khoa học trước đó để tiếp thu, kế thừa và phát triển có chọn lọc những nội dung phù hợp của đề tài nghiên cứu.

3.3. Phương pháp tổng hợp

Tác giả bài viết sử dụng phương pháp tổng hợp để liên kết những mặt, những bộ phận, những mối quan hệ thông tin từ các lý thuyết đã thu thập được thành một chỉnh thể thống nhất, từ đó tạo ra một hệ thống lý thuyết mới đầy đủ và sâu sắc về quyền tranh tụng của đương sự.

Tổng hợp lý thuyết bao gồm những nội dung sau:

- Sau khi phân tích tài liệu, nhóm tác giả đã phát hiện thông tin còn thiếu hoặc còn sai lệch, chưa thống nhất.

- Lựa chọn tài liệu, chọn lọc ra những thông tin khoa học cần thiết để xây dựng luận cứ về vấn đề nghiên cứu.

- Sắp xếp tài liệu theo một logic phù hợp để nhận dạng động thái; sắp xếp tài liệu theo quan hệ nhân - quả để nhận dạng tương tác.

- Làm tái hiện quy luật. Đây là bước quan trọng nhất trong nghiên cứu tài liệu. Đây cũng chính là mục đích của tiếp cận lịch sử.

- Giải thích quy luật. Công việc này đòi hỏi phải sử dụng các thao tác logic để đưa ra những phán đoán về bản chất các quy luật của sự vật hoặc hiện tượng.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng pháp luật về quyền tranh tụng của đương sự trong tố tụng dân sự

Hiện nay đương sự trong Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS) quy định

tại Điều 68 bao gồm: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thì đương sự có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự theo đó quyền tranh tụng được thể hiện thông qua các quyền cụ thể như: Quyền khởi kiện của nguyên đơn không bị hạn chế trong phạm vi và quy định của pháp luật. Tại Điều 188 BLTTDS năm 2015 quy định phạm vi khởi kiện Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể khởi kiện một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân khác về một quan hệ pháp luật hoặc nhiều quan hệ pháp luật có liên quan với nhau để giải quyết trong cùng một vụ án. Quyền của các đương sự khác được nêu ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 196 BLTTDS năm 2015 về Thông báo việc thụ lý vụ án, tại điểm g khoản 2 quy định về Thời hạn ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án đối với yêu cầu của người khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo. Quyền phản tố của bị đơn Tại khoản 3 Điều 68 BLTTDS năm 2015 quy định chi tiết về Bị đơn trong vụ án dân sự. Quyền yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại khoản 4 Điều 68 BLTTDS năm 2015.

Bên cạnh đó Điều 24 BLTTDS 2015 quy định bảo đảm tranh tụng trong xét xử cũng quy định về quyền thu thập, giao nộp tài liệu chứng cứ và có nghĩa vụ thông báo cho nhau các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp. Quyền thu thập, giao nộp, cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự (khoản 5 Điều 70 và khoản 1 Điều 26 BLTTDS năm 2015). Quyền yêu cầu cung cấp chứng cứ sao chép tài liệu, chứng cứ (khoản 1 Điều 106 BLTTDS năm 2015).

Quyền yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ tại Điều 70 BLTTDS năm 2015. Quyền tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình (khoản 13 Điều 70 BLTTDS năm 2015). Quyền tham gia hòa giải và tham gia phiên họp (khoản 15 Điều 70 BLTTDS năm 2015). Nhìn chung pháp luật tố tụng dân sự quy định khá cụ thể và rõ ràng những quyền mà đương sự được làm trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm tại tòa án, tuy nhiên thực tế áp dụng lại gặp một số khó khăn hạn chế sau:

Thứ nhất, việc thực hiện chuyển giao chứng cứ cho bị đơn trước khi khởi kiện chưa được thực hiện đúng. Thực tế hiện nay việc sao gửi tài liệu, chứng cứ cho nhau của các đương sự chưa được thực hiện đúng, thậm chí còn chưa được thực hiện khi không có sự giám sát, yêu cầu của Tòa án. Trong hầu hết các trường hợp, khi tòa án thụ lý thì nguyên đơn chỉ nộp tài liệu, chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện cho tòa án, còn bị đơn và người có quyền lợi liên quan chỉ biết về các tài liệu, chứng cứ này sau khi nhận được thông báo của tòa án trường hợp được chấp nhận^{**}. Và tài liệu chứng cứ đó chỉ được biết rõ khi được tiếp cận tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ. Đa số các đương sự chỉ có được bản sao tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp khi họ thực hiện quyền sao, chụp tài liệu. Do đó rất nhiều vụ án phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai tài liệu chứng cứ thường phải tiến hành nhiều lần.

Thứ hai, việc cung cấp các tài liệu chứng cứ cho Tòa án chưa kịp thời. Thực tế việc đương sự không thực hiện việc giao nộp chứng cứ, cung cấp chứng cứ cho Tòa án dẫn đến khó khăn trong việc xem xét toàn bộ nội dung vụ án cũng như đảm bảo quyền tranh tụng của các đương sự. Thậm chí trong đa số các vụ án sơ thẩm bị cấp phúc thẩm hủy lý do khách quan thường là có chứng cứ mới.

Thứ ba, việc tham gia các phiên họp, phiên hòa giải chưa đúng, chưa thực hiện đầy đủ các quyền của mình. Thường các vụ án dân sự khi các bên đương sự có tranh chấp và đều có nguyện vọng giải quyết tranh chấp thì khi có triệu tập của Tòa án các đương sự sẽ có mặt và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên hiện nay trên thực tế không ít vụ án dân sự các đương sự cố tình vắng mặt tại Tòa án đặc biệt tại các phiên họp, phiên hòa giải nhằm gây khó khăn cho các đương sự khác đồng thời nhằm kéo dài thời hạn giải quyết vụ án^{††}. Nguyên nhân của việc này có thể do họ biết được điểm yếu của mình hoặc do họ muốn gây khó khăn cho đương sự khác để đạt mục đích của mình nhưng đa số trong số họ đều cho rằng nếu họ không đến Tòa án thì vụ án không được giải quyết, Tòa án cũng không làm gì được họ. Bởi thế nhiều đương sự đặc biệt là trong các vụ án có nhiều đương

^{**} Nguyễn Hoàng Nam, 2021, “Nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện tại Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội”, luận văn thạc sĩ Luật học, Trường đại học Luật Hà Nội

^{††} Trần Lệ Hà, 2018, “Bảo đảm quyền tranh tụng của đương sự trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thực tiễn tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn”, luận văn thạc sĩ Luật học, trường đại học Luật Hà Nội

sự tham gia như nhiều người là bị đơn, nhiều người là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng có chung một lợi ích thì họ thường có mặt người này, không có mặt người khác hoặc tham gia phiên họp này nhưng không tham gia phiên hòa giải. Họ luôn đến tham gia giải quyết vụ án bằng một thái độ thăm dò, tìm hiểu và sẵn sàng không ký vào biên bản, không thể hiện quan điểm hòa giải.

Thứ tư, hiện nay còn khá nhiều Thẩm phán chưa thực hiện đúng trình tự tố tụng nhằm đảm bảo quyền tranh tụng của đương sự. Như Thẩm phán không thực hiện thông báo cho đương sự hoặc thông báo không kịp thời cho đương sự về phiên họp, phiên hòa giải^{††}. Thẩm phán không giám sát việc các đương sự giao nhận với nhau các tài liệu chứng cứ, không cho các đương sự thực hiện quyền hỏi tại phiên tòa. Nguyên nhân của những vi phạm tố tụng của người tiến hành tố tụng đa phần do năng lực tiến hành tố tụng còn hạn chế nên việc thực hiện chưa đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Thứ năm, việc tham gia tranh tụng của người bảo vệ. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên là người có kiến thức pháp luật, giúp các bên thực hiện đúng nghĩa vụ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên. Việc tham gia tranh tụng cùng với các bên và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ thường tạo điều kiện tốt nhất để các bên bảo vệ quyền của mình. Nhưng hiện nay, số vụ việc dân sự có luật sư, người bào chữa tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp của đương sự còn chiếm tỷ lệ rất ít. Vì vậy, vẫn còn một số lượng lớn các vụ án dân sự không có sự tham gia của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đương sự. Ngoài ra, sự tham gia của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan trong vụ án chưa mang lại kết quả. Do số lượng vụ việc nhiều nên người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên là trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư, tuy nhiên do số lượng vụ việc được chỉ định tham gia nhiều lại là cộng tác viên của Trung tâm TGPL quốc gia nên chưa thực sự chú trọng hỗ trợ các bên trong quá trình tố tụng, đương sự mà họ bảo vệ.

4.2. Một số kiến nghị hoàn thiện

Để khắc phục các vấn đề hạn chế, bất cập như đã phân tích đòi hỏi cần phải thực hiện một số giải pháp như sau:

Một là, Tại khoản 9 Điều 70 BLTTDS năm 2015 quy định đương sự có nghĩa vụ gửi cho đương sự khác hoặc người đại diện hợp pháp của họ bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ, trừ tài liệu, chứng cứ mà đương sự khác đã có, tài liệu chứng cứ quy định tại khoản 2 Điều 109. Và tại khoản 5 Điều 96 BLTTDS năm 2015 cũng quy định về giao nộp tài liệu, chứng cứ. Như vậy, việc sao gửi đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ cho nhau hay việc bàn giao đơn khởi kiện và chứng cứ cho nhau là quy định mới và bắt buộc trong tố tụng dân sự hiện nay. Trên thực tế quy định này chưa được thực hiện đúng. Vì pháp luật tố tụng dân sự không quy định thời điểm một bên phải gửi tài liệu, chứng cứ cho bên khác hoặc người đại diện hợp

^{††} Đặng Quang Dũng, 2021, “Các yếu tố đảm bảo tranh tụng trong tố tụng dân sự”, Tạp chí công thương số 1/2021

pháp của họ. Khi chúng ta cụ thể hóa quy định này sẽ nhằm đảm bảo các bên có thể thực hiện quyền tố tụng của mình trong giai đoạn kết thúc vụ án để đảm bảo khả năng tiếp cận chứng cứ. Đồng thời, pháp luật tố tụng dân sự không quy định phương thức sao chụp tài liệu, chứng cứ chuyển cho đương sự và đương sự có quyền lựa chọn các cách thức sao chụp khác nhau như gửi trực tiếp, gửi bưu điện. Tòa án cho rằng các bản sao đã được gửi đến tòa án để các đương sự khác sử dụng. Ngoài ra, việc quy định là nghĩa vụ của đương sự nhưng không có bất kỳ một chế tài nào khi đương sự vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm.

Hai là, cần có quy định rõ ràng với việc bàn giao đơn khởi kiện và chứng cứ cho nhau giữa các đương sự. Cụ thể đối với đơn khởi kiện, phản tố, yêu cầu độc lập và chứng cứ đều phải sao gửi cho nhau nội dung đơn trước khi gửi đơn đến Tòa án. Việc sao gửi được thực hiện bằng giao trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện, qua hòm thư điện tử. Về phương thức sao gửi được quy định như việc Tòa án cấp, tổng đạt văn bản tài liệu chứng minh cho việc sao gửi đơn và chứng cứ được coi như điều kiện bắt buộc phải có khi đương sự nộp đơn lên Tòa án. Nếu đương sự nộp đơn lên Tòa án mà chưa thực hiện việc sao gửi thì đây là một điều kiện để Tòa án yêu cầu đương sự sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Chỉ khi đương sự thực hiện xong nghĩa vụ này mới được Tòa án chấp nhận thụ lý đơn khởi kiện, đơn phản tố, đơn yêu cầu độc lập^{§§}. Trong trường hợp đương sự chỉ gửi chứng cứ đến Tòa án thì chứng cứ chỉ được Tòa án chấp nhận khi đương sự

đã thực hiện gửi cho đương sự khác xong, nếu chưa thực hiện thì Tòa án ấn định thời gian thực hiện. Thời hạn ấn định của Tòa án phải phù hợp với thời hạn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và không quá thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án. Chế tài được áp dụng với các đương sự vi phạm nghĩa vụ sao gửi đơn, chứng cứ cho các đương sự khác đó là Tòa án không thụ lý đơn khởi kiện, đơn phản tố, đơn yêu cầu độc lập hoặc Tòa án không chấp nhận là chứng cứ của vụ án khi chưa sao gửi cho đương sự khác đúng quy định. Trường hợp vì lý do chính đáng, không thể sao gửi tài liệu, chứng cứ cho đương sự khác thì đương sự có quyền yêu cầu Tòa án hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 196 BLTTDS 2015.

Ba là, Quy định về thời hạn cung cấp chứng cứ và thời hạn Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ. Hiện nay BLTTDS 2015 đã có quy định về thời hạn cung cấp chứng cứ của đương sự nhưng chưa quy định về thời hạn thu thập chứng cứ của Tòa án do đó dẫn đến những bất cập nhất định trong khi thực hiện trên thực tế. Đó là đương sự tự thực hiện cung cấp chứng cứ sẽ bất lợi so với đương sự đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ thay cho mình. Để khắc phục tình trạng này tác giả đề nghị việc thu thập chứng cứ của Tòa án cần có quy định cụ thể về thời gian. Đối với từng hoạt động thu thập chứng cứ của Tòa án phải được ấn định trong thời hạn cụ thể tương ứng với thời hạn cung cấp chứng cứ của đương sự và không quá thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm. Cụ thể đối với các hoạt động như tiến hành lấy lời khai, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá thực hiện trong

§§ Phạm Hải Bình, 2020, “Quyền tranh tụng của đương sự trong tố tụng dân sự Việt Nam”, luận văn thạc sĩ Luật học, Trường đại học Luật Hà Nội

thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm. Hoạt động thu thập chứng cứ mà quyết định thu thập chứng cứ của cá nhân, cơ quan, tổ chức khác phải tuân theo thời hạn ghi trong quyết định thu thập chứng cứ.

Bốn là, kiến nghị nên quy định về thủ tục phiên họp chứng cứ và phiên hòa giải riêng và tùy vào tính chất vụ án mà Thẩm phán có thể tiến hành đồng thời cả hai phiên họp và phiên hòa giải trong cùng một thời gian hoặc tách biệt độc lập. Ngoài ra theo quy định hiện hành thì các đương sự có nghĩa vụ cung cấp, giao nộp chứng cứ cho nhau khi khởi kiện hoặc trước khi cung cấp cho Tòa án. Như vậy, có nhiều chứng cứ đã được các đương sự biết, do đó việc công khai thêm một lần nữa về chứng cứ là không còn cần thiết và gây ra mất thời gian tố tụng. Do đó căn cứ vào việc giám sát việc các đương sự thực hiện nghĩa vụ sao gửi tài liệu chứng cứ cho nhau của các đương sự để thực hiện công khai các chứng cứ mà các đương sự chưa được biết do chưa nhận được bản sao từ các đương sự khác hoặc chưa được sao chụp để dành nhiều thời gian hơn cho việc đánh giá, tranh luận về chứng cứ.

Năm là, cần nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của các chủ thể tiến hành tranh tụng. Chủ thể tiến hành tranh tụng và đảm bảo nguyên tắc tranh tụng, bảo đảm quyền tranh tụng của các đương sự chính là Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án¹¹. Do đó, để quyền tranh tụng của đương sự và quá trình tranh tụng được diễn ra đúng và đạt hiệu quả thì ảnh hưởng rất nhiều từ chính năng lực,

trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các Thẩm phán. Cần tập trung đào tạo chuyên sâu từng kỹ năng, từng chuyên đề cụ thể, tập trung vào đào tạo chuyên sâu đến từng Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên. Đặc biệt với những người tiến hành tố tụng trực tiếp giải quyết các tranh chấp dân sự cần đào tạo chuyên sâu về các kỹ năng tố tụng từ việc tiếp nhận, xử lý đơn khởi kiện đến các thủ tục thụ lý vụ án, hòa giải tất cả đều đảm bảo thực hiện đúng, đủ đảm bảo tranh tụng được diễn ra.

Sáu là, tăng cường sự tham gia hỗ trợ người dân trong tham gia tố tụng giải quyết tranh chấp của các tổ chức xã hội, Nhà nước. Không phải ai khi tham gia tố tụng cũng hiểu mình có quyền, nghĩa vụ gì. Trong khi đó các đối tượng được trợ giúp pháp lý còn hạn chế. Dẫn đến tình trạng hiện nay số vụ án dân sự được giải quyết có sự tham gia của Luật sư, trợ giúp viên pháp lý chiếm tỷ lệ rất thấp. Từ đó dẫn đến chất lượng tranh tụng không đảm bảo và quyền tranh tụng của người tham gia tố tụng chưa được bảo vệ. Do đó, cần có sự tham gia của các tổ chức xã hội, Nhà nước vào việc hỗ trợ người dân khi tham gia tố tụng giải quyết các tranh chấp tại Tòa án.

V. Kết luận

Nhằm tập trung vào việc bảo vệ quyền khởi kiện của các bên và nói chung là bảo vệ quyền khởi kiện của các vụ kiện dân sự, tạo cơ sở để các bên bảo vệ quyền và lợi ích của mình trước tòa án. Thông qua quyền này các bên góp phần đảm bảo cho bản án, quyết định của Tòa án tuyên là

¹¹ Đặng Quang Dũng, 2021, “Bàn về vấn đề tranh tụng trong tố tụng dân sự”, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội số 04/2021

có căn cứ và hợp pháp. Với vai trò làm rõ sự thật khách quan của vụ án, quyền tranh tụng của đương sự là cơ sở để Tòa án giải quyết được các yêu cầu của các đương sự, từ đó đưa ra quyết định cuối cùng đáp ứng hoàn toàn các quy định của pháp luật, đảm bảo công lý, công bằng trong xét xử.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Hiến pháp Việt Nam 2013
- [2]. Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015
- [3]. Trường đại học Luật Hà Nội, 2011, “Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật”, nxb Công an nhân dân
- [4]. Phạm Hải Bình, 2020, “Quyền tranh tụng của đương sự trong tố tụng dân sự Việt Nam”, luận văn thạc sĩ Luật học, Trường đại học Luật Hà Nội

[5]. Nguyễn Hoàng Nam, 2021, “Nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện tại Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội”, luận văn thạc sĩ Luật học, Trường đại học Luật Hà Nội

[6]. Trần Lệ Hà, 2018, “Bảo đảm quyền tranh tụng của đương sự trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thực tiễn tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn”, luận văn thạc sĩ Luật học, trường đại học Luật Hà Nội

[7]. Đặng Quang Dũng, 2021, “Các yếu tố đảm bảo tranh tụng trong tố tụng dân sự”, Tạp chí công thương số 1/2021

[8]. Đặng Quang Dũng, 2021, “Bàn về vấn đề tranh tụng trong tố tụng dân sự”, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội số 04/2021.

Địa tác giả: Khoa Đào tạo Cơ bản, Trường Đại học Mở Hà Nội

Email: hangdt@hou.edu.vn